


## PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 934 - Ngày in phiếu: 17/02/2017

Cơ quan ban hành: Thủ tướng Chính phủ Số ký hiệu VB: 2562/QĐ-TTg

Ngày tháng VB: 31/12/2016

Trích yếu nội dung VB: V/v giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017

Trưởng phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng
Kế GTĐ, cái PGTĐ ĐTTĐ, KTN, KGVX THQT, Veb  Quét lưu: ..... Hạn xử lý VB: ...../...../2017	Phan Thiên Định: .....  ..... Lê Đình Khánh: ..... Nguyễn Quang Cường: ..... Hoàng Việt Trung: .....  Quét lưu: ..... Hạn xử lý văn bản: ...../...../2017	
Ngày: .17./2/2017	Ngày: ...../2/2017	Ngày: .../2/2017

**CÔNG VĂN ĐẾN**  
Ngày 17 tháng 2 năm 2017

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2562/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2016

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH THỪA THIÊN HUỆ**  
**ĐẾN** Số:.....  
Ngày: 03/02/17  
Chuyên:.....  
Lưu hồ sơ số:.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khoá XIV: số 27/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; số 29/2016/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2016 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 60/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016; số 89/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương năm 2017 theo các Phụ lục đính kèm, bao gồm số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch.

**Điều 2.** Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ tổng số kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2017, danh mục dự án quy định tại Điều 1 Quyết định này:

1. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Tổng mức vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng chính sách xã hội.

b) Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tổng số vốn: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án phân theo ngành, lĩnh vực, chương trình và mức vốn từng dự án cụ thể.

c) Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng số vốn ngân sách trung ương bổ sung theo từng chương trình mục tiêu và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án cụ thể.

d) Số vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của từng dự án theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương giải ngân kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2017 các dự án sử dụng vốn nước ngoài, nhưng được quản lý theo cơ chế tài chính trong nước.

3. Thông báo cho các bộ, ngành trung ương và địa phương rà soát thông tin, số liệu chưa chính xác, điều chuyển số vốn bố trí chưa đúng quy định để ưu tiên thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, bổ sung vốn cho dự án hoàn thành trong năm 2017, các dự án chuyển tiếp cần đẩy nhanh tiến độ, hoàn trả các khoản vốn ứng trước.

4. Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát, điều chuyển số vốn bố trí chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước và danh mục, mức vốn các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương năm 2017 được giao tại Quyết định này và Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Phân bổ vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định này và gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 25 tháng 01 năm 2017.

3. Hoàn trả các khoản vốn ứng trước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quyết định này theo kết quả giải ngân của từng dự án đến hết thời gian quy định. Sau khi trừ số vốn thu hồi theo kết quả giải ngân, số vốn kế hoạch năm 2017 còn lại (nếu có) được tiếp tục thực hiện trong năm 2017 cho dự án đó.

4. Giải ngân kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) theo kế hoạch được giao tại Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

5. Rà soát, đề xuất điều chuyển số vốn bố trí chưa đúng quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng 01 năm 2017.

6. Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### **Điều 4. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch**

##### **1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

b) Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017.

c) Định kỳ hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

##### **2. Bộ Tài chính:**

a) Hướng dẫn và bổ sung kinh phí phát sinh thêm do chênh lệch tỷ giá thực tế với tỷ giá tính dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 của các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan của Việt Nam ở nước ngoài.

b) Định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (3). XH 558

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số : 48/YS-UBND

**Nơi nhận :**

- Các sở: KHĐT, TC;
- Lưu: VT, XDKH.

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2017

**TL. CHỦ TỊCH  
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



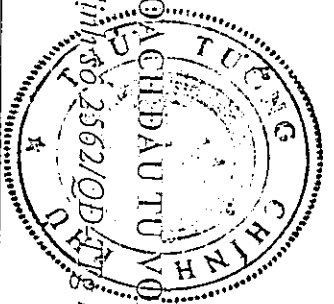
**Đoàn Thanh Vinh**

Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 2362/QĐ-ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/Chương trình	Kế hoạch năm 2017
	TỔNG SỐ	2.640.217
A	VỐN TRONG NƯỚC	1.557.536
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.101.190
	<i>Trong đó:</i>	
-	Cân đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức	439.190
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	62.000
II	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	119.696
III	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU (SỐ VỐN BỎ TRÍ ĐÚNG QUY ĐỊNH)	336.650

STT	Nguồn vốn/Chương trình	Kế hoạch năm 2017
<b>1</b>	<b>Số vốn bố trí đúng quy định</b>	<b>326.650</b>
-	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng	5.000
-	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương <sup>(1)</sup>	78.955
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững	30.000
-	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	1.000
-	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	47.595
-	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	90.000
-	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	47.100
-	Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm	22.000
-	Hỗ trợ người có công theo QĐ số 22/QĐ-TTg	5.000
<b>2</b>	<b>Số vốn bố trí chưa đúng quy định, chưa phân bổ chi tiết, hoặc thông tin số liệu chưa rõ ràng cần tiếp tục rà soát</b>	<b>10.000</b>

STT	Nguồn vốn/Chương trình	Kế hoạch năm 2017
B	VỐN NƯỚC NGOÀI (SỐ VỐN BỎ TRÍ ĐÚNG QUY ĐỊNH) <sup>(2)</sup>	1.082.681

*Chi chi:*

(1) Bao gồm thu hồi số vốn ứng trước theo Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ theo kết quả giải ngân thực tế đến hết thời gian quy định, nhưng không vượt quá mức vốn kế hoạch năm 2017 bỏ trị để hoàn ứng trước.

(2) Giải ngân theo kế hoạch được giao.

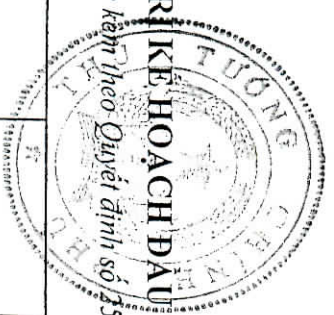


Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN BỒ TRỢ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2017

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
	<b>TỔNG SỐ</b>					1.641.511	1.456.209
<b>I</b>	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng					62.554	62.554
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017					62.554	62.554
	<b>Dự án nhóm B</b>					62.554	62.554
	Kẻ chống sét lở bờ sông Hương đoạn qua phường Hương Hồ, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà và xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy	Hương Trà, Hương Thủy		2013-2015	1851-11/9/2014	62.554	62.554
<b>II</b>	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững					296.124	201.368
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017						
	<b>Dự án nhóm B</b>						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) Trong đó: NSTW
1	HT khu nuôi trồng thủy sản trên cát ven biển xã Điền Hương, huyện Phong Điền	P.Điền	2013-2018	1,3km	1951 ngày 26/10/2012	59.253 40.000
2	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp bến cá Cầu Hai, xã Lộc Trì	P.Lộc	2013-2018	420 tàu	1891 ngày 17/10/2012	58.701 48.847
	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</b>					
	<b>Dự án nhóm B</b>					
	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp mở rộng cảng cá Thuận An	P.Vang	2015-2020	500 chiếc	2198 ngày 28/10/2014	178.170 112.521
-	<i>Trong đó: Giai đoạn I</i>					39.800 29.000
<b>III</b>	<b>Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững</b>					<b>60.968</b> <b>27.000</b>
	<b>Dự án nhóm B</b>					
	Dự án nâng cao năng lực năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	2015-2018		2475 ngày 30/10/2015; 2503 ngày 30/10/2015	60.968 27.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KHI các năm		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
TV	Chương trình mục tiêu tại cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				250.710	211.600	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017				214.710	207.400	
	Dự án nhóm B						
1	Nâng cấp đê Tây phá Tam Giang đoạn Km11+476 đến Km33+043.	Q.Đ.H.TT	2015-2020	21,6km	2214 ngày 29/10/2014	225.174	57.400
-	<i>Trong đó: Giai đoạn 1</i>					64.710	57.400
2	Kẻ chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2016-2020	7,4km	2457 ngày 30/10/2015	278.633	150.000
-	<i>Trong đó: Giai đoạn 1</i>					150.000	150.000
IV.1	Dự án hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo nghị định 210					36.000	4.200
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016					36.000	4.200
	Dự án nhóm B						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
1	Dự án đầu tư trang trại chăn nuôi lợn thịt thương phẩm tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	P.Điền	2014-2015	4.000 lợn thịt/lứa.	659 ngày 1/4/2016	22.500	1.800
2	Dự án đầu tư xây dựng khu trang trại chăn nuôi tập trung, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2.015	4.000 lợn thịt/lứa.	810 ngày 22/4/2016	13.500	2.400
VI	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					268.710	268.710
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017						
	Dự án nhóm B						
	Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu công nghiệp và khu phi thuế quan	P.Lộc	4900m <sup>3</sup> /ng.đêm	2016-2020	151 ngày 30/10/2015	268.710	268.710
VII	Chương trình mục tiêu phát triển văn hoá					207.997	207.997

TTT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT	
					Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017							
	Dự án nhóm A							
	Bảo tồn, tu bổ và phục hồi Nhật Thành Lâu	Huế	2015-2017		2248 ngày 30/10/2014	28.483	28.483	
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017					179.514	179.514	
	Dự án nhóm A							
1	Bảo tồn, phục hồi thích nghi vườn Thiệu Phương (hàng mục: Vạn tự hồi lang, cốm xuân đường, di nhân đường, vịnh phương hiện, hàm xuân hiện và cảnh quan sân vườn)	Huế	2015-2019		2246 ngày 30/10/2014	74.108	74.108	
2	Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích Lăng Tự Đức	Huế	2015-2019		2247 ngày 30/10/2014	105.406	105.406	
XII	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm					409.398	391.930	
	Các dự án hoàn thành năm 2017					117.753	100.285	
	Dự án nhóm B					117.753	100.285	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	Đường Hồng Bắc - Đồn biên phòng 629, A Lưới	A.Lưới	2013-2017	10km	1989 ngày 30/10/2012	67.823 55.285
2	Đường từ xã A Roàng ra biên giới	A.Lưới	2015-2017		2242 ngày 30/10/2014	49.930 45.000
	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</b>					<b>168.645</b> <b>168.645</b>
	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>168.645</b> <b>168.645</b>
	DA dò tìm và xử lý bom, mìn, vật nổ giai đoạn 2 ở khu vực 2 huyện miền núi A Lưới, Nam Đông và các xã vùng chiến khu cũ tỉnh Thừa Thiên Huế	NĐ-AL-PĐ-HTrià-HThuy-PL	2009-2013	8.717ha	1290 ngày 01/07/2009	168.645 168.645
	<b>Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020</b>					<b>123.000</b> <b>123.000</b>
	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>123.000</b> <b>123.000</b>
	Đường từ xã Hồng Trung đến mốc 646, huyện A Lưới	A.Lưới	2016-2020	12km	2458 ngày 30/10/2015	123.000 123.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		
					Số quyết định; ngày; tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
XIII	Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của TTCP			2013-2020	1693-30/8/13; 15-03/01/14	85.050	85.050

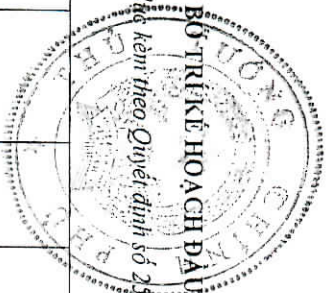
Ghi chú: (1) Thu hồi số vốn ứng trước theo Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ theo kết quả giải ngân thực tế đến hết thời gian quy định, nhưng không vượt quá mức vốn kế hoạch năm 2017 bố trí để hoàn ứng trước.

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRỢ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2017

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2362/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Số quyết định	QB đầu tư ban đầu hoặc QB đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm					
							TMBT					
							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW
	<b>TỔNG SỐ</b>					5.640.659	768.688	384.344		4.871.971	4.871.971	
I	Ngành Nông lâm nghiệp					353.003	64.044	32.022		288.959	288.959	
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016					353.003	64.044	32.022		288.959	288.959	
	Dự án nhóm B											
1	Dự án phát triển nông thôn huyện Quảng Điền	Quảng Điền	2007-2011	Luxambua		936 ngày 13/4/2007	113.724	19.044	9.522		94.680	94.680
2	Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung	Toàn tỉnh	2008-2012	ADB		2474 ngày 23/8/2007	239.279	45.000	22.500		194.279	194.279
II	Ngành công cộng						5.287.656	704.644	352.322		4.583.012	4.583.012
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016						235.620	44.660	22.330		190.960	190.960
	Dự án nhóm B											
	Tiền dự án cải thiện môi trường đô thị Lăng Cô	Phước Lộc	2004-2010	ADB		2947 ngày 17/10/2003	235.620	44.660	22.330		190.960	190.960



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Số quyết định	TMĐT							
							QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KII các năm							
							Trong đó:							
							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài				
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017						5.052.036	659.984	329.992			4.392.052	4.392.052	4.392.052
	Dự án nhóm A													
	Dự án Cải thiện môi trường nước thành phố Huế	TP Huế	2008-2016	Nhật Bản		483-25/2/08; 1653-12/8/14	5.052.036	659.984	329.992	20,8 tỷ Yên		4.392.052	4.392.052	4.392.052